

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phích

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Luyến

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thuỷ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hà Văn N; nơi cư trú: Thôn H, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị B; nơi ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: Thôn H, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Hàn Quốc; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là anh Hà Văn N trình bày:*

Về quan hệ vợ chồng: Anh Hà Văn N và chị Bùi Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của

địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 02 năm 2011. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do năm 2021, chị B đi lao động tại Hàn Quốc, anh N cùng các con vẫn sinh sống ở quê (K, T). Từ thời điểm chị B đi Hàn Quốc, mỗi khi liên lạc với nhau thì vợ chồng xảy ra cãi vã do bất đồng với nhau về quan điểm sống, kinh tế, cách dạy con. Không khí trong gia đình trở nên rất căng thẳng và nặng nề, ảnh hưởng rất nhiều đến việc học tập của các con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không đạt kết quả. Anh có thông tin cho chị B về việc anh đề nghị ly hôn với chị B. Chị B đồng ý nhưng không gửi thủ tục giấy tờ gì về Việt Nam. Anh N chỉ biết chị B đi lao động và hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì anh không rõ. Tuy nhiên, hiện nay chị B vẫn liên lạc với người thân trong gia đình chị là anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1998, địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng – là em trai ruột của chị B. Bố chị B là ông Bùi Văn K đã chết, mẹ là bà Đồng Thị M bị ốm, không thể đi lại được. Nay, anh Hà Văn N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị B để anh nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hà Thị Ánh N1, sinh ngày 13/9/2011 và Hà Phú T, sinh ngày 11/7/2019. Các con chung đang ở với anh N, ly hôn, anh Hà Văn N đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Hà Văn N xin tự giải quyết với chị Bùi Thị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Hà Văn N xin tự giải quyết với chị Bùi Thị B về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn là chị Bùi Thị B:*

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho em trai chị Bùi Thị B là anh Bùi Văn Đ. Tòa án đã thông báo cho anh Bùi Văn Đ về việc cung cấp địa chỉ của chị Bùi Thị B ở Hàn Quốc và yêu cầu anh Bùi Văn Đ cho biết kết quả về việc anh đã thông báo cho chị Bùi Thị B để gửi lời khai về Tòa án. Lời khai của anh Bùi Văn Đ thể hiện: Chị Bùi Thị B vẫn thường xuyên liên lạc anh qua mạng internet nhưng chị B không cung cấp địa chỉ cụ thể tại Hàn Quốc cho anh Đ biết nên anh Đ không thể cung cấp cho Tòa án. Anh Đ đã thông báo cho chị B về việc Tòa án yêu cầu chị B gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh N cho Tòa án. Trao đổi qua điện thoại với anh Đ, chị B có quan điểm như sau: Chị Bùi Thị B đồng ý ly hôn với anh Hà Văn N, đồng ý giao hai con chung là Hà Thị Ánh N1, sinh ngày 13/9/2011 và Hà Phú T, sinh ngày 11/7/2019 cho anh N trực tiếp nuôi

dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung. Chị B ở X ở Hàn Quốc nên không thể gửi lời khai về cho Tòa án.

*Quan điểm của anh Bùi Văn Đ như sau:*

Anh N và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 02 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mỗi người ở một nơi, không cùng chung quan điểm sống, bất đồng về kinh tế và cách nuôi dạy con. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Anh Bùi Văn Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N và chị B được ly hôn với nhau để ổn định cuộc sống. Về con chung và tài sản chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là chị Bùi Thị B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Hà Văn N và chị Bùi Thị B xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 02 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn N. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, giao các con chung là Hà Thị Ánh N1, sinh ngày 13/9/2011 và Hà Phú T, sinh ngày 11/7/2019 cho anh Hà Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hà Văn N xin tự giải quyết với chị Bùi Thị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Anh Hà Văn N xin tự giải quyết với chị Bùi Thị B, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra đề nghị tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Hà Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị Bùi Thị Bích . Do đó quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn là chị Bùi Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở Hàn Quốc, nguyên đơn là anh Hà Văn N hiện nay đang sinh sống tại thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hà Văn N và chị Bùi Thị B đều vắng mặt, anh Hà Văn N đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Bùi Thị B: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị Bùi Thị B vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Anh Hà Văn N và chị Bùi Thị B xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 02 năm 2011. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do sự xa cách về địa lý (anh N sinh sống ở Việt Nam, chị B sinh sống ở nước ngoài) nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, kinh tế, cách dạy con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hà Văn N và chị Bùi Thị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn N đối với chị Bùi Thị Bích .

[4] Về con chung: Xét thấy hiện nay hai con chung là Hà Thị Ánh N1, sinh ngày 13/9/2011 và Hà Phú T, sinh ngày 11/7/2019 đang ở với anh Hà Văn N, chị Bùi Thị B đang ở Hàn Quốc, không có địa chỉ cụ thể, không có lời khai thể hiện quan điểm về con chung. Mặt khác, cháu N1 có nguyện vọng ở với anh N, gia đình chị Bùi Thị B đồng ý để cho anh Hà Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần giao các

con chung cho anh Hà Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cần ghi nhận việc anh N tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh Hà Văn N xin tự giải quyết với chị Bùi Thị B về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Văn N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Hà Văn N và chị Bùi Thị B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn N ly hôn với chị Bùi Thị Bích .

1.2. Về con chung: Giao hai con chung là Hà Thị Ánh N1, sinh ngày 13/9/2011 và Hà Phú T, sinh ngày 11/7/2019 cho anh Hà Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Hà Văn N tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Anh Hà Văn N xin tự giải quyết với chị Bùi Thị B về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Văn N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000036 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Hà Văn N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Anh Hà Văn N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết.

Chị Bùi Thị B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Hải Phòng;
- Cục THADS TP. Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Phích**